

DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐƯỢC KHEN THƯỞNG
NGHỀ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2016 - 2017

(Ban hành kèm theo quyết định số: 979 /QĐ-CDN ngày 26 tháng 9 năm 2017
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Nha Trang)

I. TẬP THỂ:

Tập thể lớp HSSV Tiên tiến: 14 lớp.

STT	Tên lớp	STT	Tên lớp	STT	Tên lớp
1	CD - ĐCN K9A	6	CD-CNTT K10	11	CD-CBTP K10
2	CD - ĐCN K10B	7	CD - CN ÔTÔ K9A	12	CD- KTDN K10
3	CD-ĐTCN K9	8	CD - CGKL K9	13	CD-QTNH K10
4	CD-ĐTCN K10	9	CD - KTXD K9	14	CD-QTKS K9
5	CD-CNTT K9	10	TC-CBTP K9/9		

II. CÁ NHÂN:

Stt	Họ và Tên	Lớp/ Khóa	ĐHT	ĐRL	XLHT	XLRL	Danh hiệu
KHOA DU LỊCH - THƯƠNG MẠI							
1	Lê Thị Thanh Huyền	CD-QTNH K9	7.1	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
2	Lê Thị Ngọc Liên	CD-QTNH K9	7.5	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
3	Võ Thị Quỳnh Thư	CD-QTNH K9	7.1	0.5	Khá	Khá	SV Khá
4	Lê Gia Cát Tiên	CD-QTNH K9	7.3	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
5	Trương Thị Tú Trinh	CD-QTNH K9	7.4	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
6	Nguyễn Thị Thu Hồng	CD-KTDN K9	7.4	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
7	Nguyễn Thanh Ngân	CD-KTDN K9	7.6	0.9	Khá	XS	SV Khá
8	Đinh Thị Nhi	CD-KTDN K9	7.0	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
9	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	CD-KTDN K9	7.8	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
10	Nguyễn Thị Lệ Quỳnh	CD-KTDN K9	7.6	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
11	Nguyễn Thị Thanh Tâm	CD-KTDN K9	8.0	0.6	Giỏi	Khá	SV Khá
12	Phạm Lê Uyên	CD-KTDN K9	7.4	0.6	Khá	Khá	SV Khá
13	Nguyễn Thị Bình	CD QTKS K9	7.3	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
14	Nguyễn Thị Thu Hằng	CD QTKS K9	7.1	0.6	Khá	Khá	SV Khá
15	Trần Phương Hằng	CD QTKS K9	7.0	0.6	Khá	Khá	SV Khá
16	Nguyễn Trung Hiếu	CD QTKS K9	7.1	0.6	Khá	Khá	SV Khá
17	Nguyễn Đức Huy	CD QTKS K9	7.6	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
18	Nguyễn Phùng Đăng Huy	CD QTKS K9	7.3	0.6	Khá	Khá	SV Khá
19	Huỳnh Thị Thảo My	CD QTKS K9	7.0	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
20	Hoàng Minh Ngọc	CD QTKS K9	7.8	0.9	Khá	XS	SV Khá
21	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	CD QTKS K9	8.2	0.9	Giỏi	XS	SV Giỏi
22	Liều A Quang	CD QTKS K9	7.7	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
23	Đặng Minh Tâm	CD QTKS K9	7.0	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
24	Võ Thị Hoài Thương	CD QTKS K9	7.2	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
25	Trần Thị Kim Thúy	CD QTKS K9	7.1	0.6	Khá	Khá	SV Khá
26	Lê Thị Thanh Trà	CD QTKS K9	7.2	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
27	Trần Nhựt Trinh	CD QTKS K9	7.2	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
28	Lương Ngọc Trung	CD QTKS K9	8.1	0.9	Giỏi	XS	SV Giỏi

Stt	Họ và Tên		Lớp/ Khóa	DHT	DRL	XLHT	XLRL	Danh hiệu
29	Trần Lê	Vân	CD QTKS K9	7.8	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
30	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	CD QTKS K9	7.2	0.7	Khá	Khá	SV Khá
31	Phan Thị Thùy	Dung	CD-KTCBMA K9	7.4	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
32	Lê	Hà	CD-KTCBMA K9	7.6	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
33	Nguyễn Thị Ngọc	Hiệp	CD-KTCBMA K9	7.1	0.6	Khá	Khá	SV Khá
34	Trần Thị Kim	Hoa	CD-KTCBMA K9	7.5	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
35	Nguyễn Huy	Hoàng	CD-KTCBMA K9	7.7	0.6	Khá	Khá	SV Khá
36	Hoàng Thị	Hường	CD-KTCBMA K9	7.3	0.5	Khá	Khá	SV Khá
37	Nguyễn Trần Mỹ	Liên	CD-KTCBMA K9	7.2	0.5	Khá	Khá	SV Khá
38	Trần Văn	Long	CD-KTCBMA K9	7.4	0.6	Khá	Khá	SV Khá
39	Liễu Thị Tuyết	Mai	CD-KTCBMA K10	7.0	0.5	Khá	Khá	SV Khá
40	Dương Thanh	Phong	CD-KTCBMA K10	7.4	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
41	Nguyễn Thị Kim	Thoa	CD-KTCBMA K10	7.0	0.6	Khá	Khá	SV Khá
42	Nguyễn Nhật	Trung	CD-KTCBMA K10	8.7	0.9	Giỏi	XS	SV Giỏi
43	Nguyễn Thị Hải	Yến	CD-KTCBMA K10	7.2	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
44	Dương Thị Thúy	Mỹ	CD-QTNH K10	7.2	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
45	Đinh Thị Hồng	Vân	CD-QTNH K10	7.7	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
46	Lê Thị Thùy	Vân	CD-QTNH K10	7.5	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
47	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	CD QTKS K10	7.7	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
48	Bùi Thị	Hà	CD QTKS K10	8.0	0.9	Giỏi	XS	SV Giỏi
49	Nguyễn Thị Mỹ	Hào	CD QTKS K10	7.0	0.6	Khá	Khá	SV Khá
50	Hồng Thảo	My	CD QTKS K10	7.7	0.6	Khá	Khá	SV Khá
51	Đinh Thị	Nhị	CD QTKS K10	7.6	0.5	Khá	Khá	SV Khá
52	Đặng Ngọc Hoàng	Oanh	CD QTKS K10	7.4	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
53	Đặng Thị Linh	Thảo	CD QTKS K10	8.3	0.8	Giỏi	Tốt	SV Giỏi
54	Trương Thị	Trúc	CD QTKS K10	7.6	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
55	Võ Thị Thanh	An	CD- HDDL K10	7.4	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
56	Nguyễn Trâm	Anh	CD- HDDL K10	7.3	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
57	Nguyễn Tiến	Nam	CD- HDDL K10	7.3	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
58	Lê Thị Ngọc	Lệ	CD- KTDN K10	8.2	0.9	Giỏi	XS	SV Giỏi
59	Đoàn Thị Tuyết	Nhi	CD- KTDN K10	7.4	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
60	Nguyễn Thị Đỗ	Quyên	CD- KTDN K10	7.9	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
61	Lê Thị	Thành	CD- KTDN K10	8.2	0.9	Giỏi	XS	SV Giỏi
62	Nguyễn Thị Thúy	Thường	TC-CBMA K10/12	7.1	0.8	Khá	Tốt	HS Khá
KHOA CNSH - MT								
63	Nguyễn Thị Thu	Cúc	CD- CBTP K9	8.2	0.9	Giỏi	Tốt	SV Giỏi
64	Nguyễn Thị Trung	Hoa	CD- CBTP K9	8.3	0.9	Giỏi	Tốt	SV Giỏi
65	Đỗ Thị	Thúy	CD- CBTP K9	8.1	0.9	Giỏi	Tốt	SV Giỏi
66	Trần Trúc	Hân	CD- CBTP K9	7.8	0.9	Khá	Tốt	SV Khá
67	Hồ Minh	Huyền	CD- CBTP K9	7.7	0.9	Khá	Tốt	SV Khá
68	Nguyễn Hồ Trúc	Lynch	CD- CBTP K9	7.4	0.8	Khá	Khá	SV Khá
69	Quảng Đại	Nhân	CD- CBTP K9	7.2	0.9	Khá	Tốt	SV Khá
70	Đỗ Nhật Minh	Phương	CD- CBTP K9	7.3	0.9	Khá	Tốt	SV Khá
71	Nguyễn Thị Kim	Phượng	CD- CBTP K9	7.8	0.8	Khá	Khá	SV Khá
72	Phạm Nhật	Quang	CD- CBTP K9	7.3	0.9	Khá	Tốt	SV Khá
73	Nguyễn Thị Anh	Thảo	CD- CBTP K9	7.8	0.9	Khá	Tốt	SV Khá
74	Nguyễn Thị Trinh	Nữ	CD- CBTP K10	8.1	0.9	Giỏi	XS	SV Giỏi
75	Đào Vân	Anh	CD- CBTP K10	7.7	0.9	Khá	Tốt	SV Khá

Stt	Họ và Tên	Lớp/ Khóa	ĐHT	ĐRL	XLHT	XLRL	Danh hiệu
76	Cao Hồng Chân	CĐ- CBTP K10	7.6	0.9	Khá	Tốt	SV Khá
77	Hồ Thị Hoài Thanh	CĐ- CBTP K10	7.0	0.8	Khá	Khá	SV Khá
78	Nguyễn Thị Thu Thảo	CĐ- CBTP K10	7.4	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
79	Phạm Thị Mỹ Thùy	CĐ- CBTP K10	7.1	0.9	Khá	Tốt	SV Khá
80	Chamaléa Thị Xenh	CĐ- CBTP K10	7.0	0.9	Khá	Tốt	SV Khá
KHOA Điện - Điện Tử							
81	Nguyễn Việt Chinh	CĐ-CNTT-K9	8.6	0.7	Giỏi	Tốt	SV Giỏi
82	Bùi Xuân Đạt	CĐ-CNTT-K9	7.5	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
83	Trần Công Trục	CĐ-CNTT-K9	7.5	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
84	Huỳnh Trung Nghĩa	CĐ-CNTT-K9	7.2	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
85	Phạm Vinh Ngà	CĐ-CNTT-K9	7.2	0.6	Khá	Khá	SV Khá
86	Thân Nhật Minh	CĐ-CNTT-K9	7.1	0.6	Khá	Khá	SV Khá
87	Âu Ban Thiện	CĐ-CNTT-K9	7.0	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
88	Dương Thuần Tín	CĐ-CNTT-K10	8.0	0.8	Giỏi	Tốt	SV Giỏi
89	Trần Văn Hòa	CĐ-CNTT-K10	7.9	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
90	Phan Văn Thành	CĐ-CNTT-K10	7.5	0.6	Khá	Khá	SV Khá
91	Trương Công Thương	CĐ-CNTT-K10	7.4	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
92	Lê Đào Huy	CĐ-CNTT-K10	7.2	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
93	Nguyễn Tiến Đạt	CĐ-CNTT-K10	7.0	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
94	Huỳnh Huy Hiếu	CĐ-CNTT-K10	7.0	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
95	Phan Vĩnh Thuận	CĐ-CNTT-K10	7.0	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
96	Trần Gia Thuận	CĐ-CNTT-K10	7.0	0.6	Khá	Khá	SV Khá
97	Nguyễn Huỳnh	CĐ-CNTT-K10	7.0	0.6	Khá	Khá	SV Khá
98	Nguyễn Lê Xuân	CĐ-ĐCN-K9A	8.3	0.8	Giỏi	Tốt	SV Giỏi
99	Nguyễn Ngọc Tiến	CĐ-ĐCN-K9A	7.5	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
100	Đoàn Văn Hậu	CĐ-ĐCN-K9A	7.4	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
101	Nguyễn Cao Vương	CĐ-ĐCN-K9A	7.5	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
102	Lê Minh Tiến	CĐ-ĐCN-K9A	7.5	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
103	Lê Văn Tuyên	CĐ-ĐCN-K9A	7.5	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
104	Đỗ Anh Quốc	CĐ-ĐCN-K9A	7.4	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
105	Vy Hoàng Minh	CĐ-ĐCN-K9A	7.3	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
106	Trịnh Huy Thông	CĐ-ĐCN-K9A	7.2	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
107	Dương Hoàng Duy	CĐ-ĐCN-K9A	7.0	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
108	Trương Nhất Quán	CĐ-ĐCN-K9B	7.8	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
109	Đình Quang Tiến	CĐ-ĐCN-K9B	7.5	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
110	Võ Thanh Hậu	CĐ-ĐCN-K9B	7.4	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
111	Nguyễn Hùng Dương	CĐ-ĐCN-K9B	7.3	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
112	Phạm Văn Trung	CĐ-ĐCN-K9B	7.3	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
113	Trương Đình Lương	CĐ-ĐCN-K10A	7.3	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
114	Phạm Văn Chung	CĐ-ĐCN-K10A	7.0	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
115	Huỳnh Bá Khánh	CĐ-ĐCN-K10A	7.7	0.6	Khá	Khá	SV Khá
116	Huỳnh Văn Quốc	CĐ-ĐCN-K10A	7.0	0.6	Khá	Khá	SV Khá
117	Lê Nguyễn Anh Tuấn	CĐ-ĐCN-K10A	7.0	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
118	Nguyễn Trọng Nhân	CĐ-ĐCN-K10B	8.1	0.9	Giỏi	XS	SV Giỏi
119	Nguyễn Đức Phú	CĐ-ĐCN-K10B	7.6	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
120	Trương Đức Nguyên	CĐ-ĐCN-K10B	7.4	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
121	Nguyễn Chí Tình	CĐ-ĐCN-K10B	7.5	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
122	Mẫu Văn Tương	CĐ-ĐCN-K10B	7.5	0.6	Khá	Khá	SV Khá

Stt	Họ và Tên		Lớp/ Khóa	ĐHT	ĐRL	XLHT	XLRL	Danh hiệu
123	Huỳnh Trọng Hiến		CĐ-ĐCN-K10B	7.4	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
124	Trần Minh Hiếu		CĐ-ĐCN-K10B	7.4	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
125	An Huyền Lợi		CĐ-ĐCN-K10B	7.4	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
126	Hà Tệ Khang		CĐ-ĐCN-K10B	7.2	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
127	Nguyễn Hoàng Sang		CĐ-ĐCN-K10B	7.1	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
128	Phạm Trương Minh		CĐ-ĐCN-K10B	7.2	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
129	Hà Quốc Bảo		CĐ-ĐCN-K10B	7.1	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
130	Trần Hoài Bảo		CĐ-ĐCN-K10B	7.0	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
131	Nguyễn Quốc Cường		CĐ-ĐCN-K10B	7.1	0.6	Khá	Khá	SV Khá
132	Trần Xuân Đăng		CĐ-ĐCN-K10B	7.0	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
133	Lê Thanh		CĐ-ĐCN-K10B	7.1	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
134	Võ Minh Phương		CĐ-ĐCN-K10B	7.0	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
135	Lưu Mạnh Trọng		CĐ-KTML&ĐHKK-K9	7.7	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
136	Nguyễn Văn Lai		CĐ-KTML&ĐHKK-K9	7.5	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
137	Phạm Khang Giảng		CĐ-KTML&ĐHKK-K9	7.4	0.5	Khá	Khá	SV Khá
138	Phan Đức Quỳnh		CĐ-KTML&ĐHKK-K9	7.1	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
139	Nguyễn Văn Bền		CĐ-KTML&ĐHKK-K9	7.0	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
140	Lê Thành Công		CĐ-KTML&ĐHKK-K9	7.0	0.6	Khá	Khá	SV Khá
141	Lưu Thiện Hòa		CĐ-KTML&ĐHKK-K9	7.0	0.6	Khá	Khá	SV Khá
142	Mai Đình Thái		CĐ-KTML&ĐHKK-K9	7.0	0.6	Khá	Khá	SV Khá
143	Ngô Quốc Thái		CĐ-KTML&ĐHKK-K9	7.0	0.6	Khá	Khá	SV Khá
144	Nguyễn Minh Tiến		CĐ-KTML&ĐHKK-K10	7.4	0.5	Khá	Khá	SV Khá
145	Nguyễn Hữu Cảnh		CĐ-KTML&ĐHKK-K10	7.3	0.5	Khá	Khá	SV Khá
146	Phạm Văn Ngân		CĐ-ĐTCN-K9	8.1	0.9	Giỏi	XS	SV Giỏi
147	Nguyễn Thanh Bình		CĐ-ĐTCN-K9	7.9	0.9	Khá	XS	SV Khá
148	Quách Hào		CĐ-ĐTCN-K9	7.9	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
149	Huỳnh Minh Hiền		CĐ-ĐTCN-K9	7.5	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
150	Lương Hoài Phong		CĐ-ĐTCN-K9	7.5	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
151	Võ Ngọc Minh Tuấn		CĐ-ĐTCN-K9	7.3	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
152	Nguyễn Hoàng		CĐ-ĐTCN-K9	7.2	0.5	Khá	Khá	SV Khá
153	Trần Văn Tấn		CĐ-ĐTCN-K9	7.0	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
154	Phạm Nhật Khương		CĐ-ĐTCN-K10	8.2	0.9	Giỏi	XS	SV Giỏi
155	Nguyễn An Phước		CĐ-ĐTCN-K10	7.8	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
156	Phạm Nhật Bình		CĐ-ĐTCN-K10	7.7	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
157	Nguyễn Minh Tuấn		CĐ-ĐTCN-K10	7.4	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
158	Nguyễn Hà Ngọc		CĐ-ĐTCN-K10	7.2	0.6	Khá	Khá	SV Khá
159	Võ Ngọc Tân		CĐ-ĐTCN-K10	7.2	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
160	Nguyễn Quốc Đại		CĐ-ĐTCN-K10	7.1	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
161	Trần Đông Lâm		CĐ-ĐTCN-K10	7.1	0.6	Khá	Khá	SV Khá
162	Nguyễn Hoàng Thanh		CĐ-ĐTCN-K10	7.1	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
163	Nguyễn Văn Vin		CĐ-ĐTCN-K10	7.1	0.9	Khá	XS	SV Khá
164	Trần Ngọc Tâm		CĐ-ĐTCN-K10	7.0	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
KHOA CƠ KHÍ								
165	Bùi Xuân	Hành	CĐ - CGKL K9	8.7	0.8	Giỏi	Tốt	SV Giỏi
166	Trương Minh	Hiếu	CĐ - CGKL K9	8.4	0.7	Giỏi	Tốt	SV Giỏi
167	Nguyễn Huy	Hoàng	CĐ - CGKL K9	7.1	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
168	Trần Chí	Hoàng	CĐ - CGKL K9	7.3	0.6	Khá	Khá	SV Khá
169	Lê Anh	Hưng	CĐ - CGKL K9	7.5	0.7	Khá	Tốt	SV Khá

Stt	Họ và Tên		Lớp/ Khóa	ĐHT	ĐRL	XLHT	XLRL	Danh hiệu
170	Nguyễn Quốc	Lâm	CĐ - CGKL K9	7.1	0.6	Khá	Khá	SV Khá
171	Nguyễn Quốc	Liêm	CĐ - CGKL K9	8.5	0.7	Giỏi	Tốt	SV Giỏi
172	Cao Thanh	Nam	CĐ - CGKL K9	7.2	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
173	Đỗ Thanh	Nhân	CĐ - CGKL K9	7.1	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
174	Bùi Anh	Phương	CĐ - CGKL K9	7.3	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
175	Bùi Hữu	Sỹ	CĐ - CGKL K9	7.0	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
176	Ngô Quốc	Thắng	CĐ - CGKL K9	8.4	0.7	Giỏi	Tốt	SV Giỏi
177	Nguyễn Văn	Trung	CĐ - CGKL K9	7.2	0.6	Khá	Khá	SV Khá
178	Nguyễn Thanh	Tùng	CĐ - CGKL K9	8.1	0.7	Giỏi	Tốt	SV Giỏi
179	Lê Trần	Chính	CĐ - CN ÔTÔ K9A	7.1	0.5	Khá	Khá	SV Khá
180	Lê Thành	Đạt	CĐ - CN ÔTÔ K9A	7.4	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
181	Hồ Đắc	Hiếu	CĐ - CN ÔTÔ K9A	7.0	0.5	Khá	Khá	SV Khá
182	Nguyễn Thành	Nam	CĐ - CN ÔTÔ K9A	7.1	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
183	Võ Vũ	Quyền	CĐ - CN ÔTÔ K9A	7.2	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
184	Ngô Đình	Sửu	CĐ - CN ÔTÔ K9A	7.0	0.6	Khá	Khá	SV Khá
185	Hồ Quang	Trung	CĐ - CN ÔTÔ K9A	7.2	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
186	Nguyễn Quốc	Trung	CĐ - CN ÔTÔ K9A	7.0	0.6	Khá	Khá	SV Khá
187	Lê Công Hoàng	Vũ	CĐ - CN ÔTÔ K9A	7.1	0.6	Khá	Khá	SV Khá
188	Nguyễn Xuân	Vũ	CĐ - CN ÔTÔ K9A	8.0	0.7	Giỏi	Tốt	SV Giỏi
189	Nguyễn	Hiếu	CĐ - CN ÔTÔ K9B	8.0	1.0	Giỏi	XS	SV Giỏi
190	Nguyễn Ngọc	Sinh	CĐ - CN ÔTÔ K9B	7.0	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
191	Nguyễn Đức	Thịnh	CĐ - CN ÔTÔ K9B	7.2	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
192	Nguyễn Quang	Trung	CĐ - CN ÔTÔ K9B	8.0	0.9	Giỏi	XS	SV Giỏi
193	Huỳnh Thúc	Danh	CĐ - KTXD K9	8.0	0.9	Giỏi	XS	SV Giỏi
194	Võ Khắc	Hòa	CĐ - KTXD K9	7.2	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
195	Vũ Duy	Khánh	CĐ - KTXD K9	7.4	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
196	Phan Hùng	Mạnh	CĐ - KTXD K9	7.5	0.9	Khá	XS	SV Khá
197	Nguyễn Ngọc	Phương	CĐ - KTXD K9	7.4	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
198	Trần Văn	Quốc	CĐ - KTXD K9	7.8	0.9	Khá	XS	SV Khá
199	Nguyễn Quang	Tâm	CĐ - KTXD K9	7.0	0.6	Khá	Khá	SV Khá
200	Nguyễn Thành	Tâm	CĐ - KTXD K9	7.7	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
201	Pi Năng Thái	An	CĐ - CN ÔTÔ K10A	7.0	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
202	Huỳnh Thiện	Giác	CĐ - CN ÔTÔ K10A	7.2	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
203	Lê Hùng	Phương	CĐ - CN ÔTÔ K10A	7.3	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
204	Lý Nhật	Thảo	CĐ - CN ÔTÔ K10A	7.0	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
205	Lê Quang	Thiên	CĐ - CN ÔTÔ K10A	7.5	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
206	Trương Quang	Trường	CĐ - CN ÔTÔ K10A	7.0	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
207	Nguyễn Thành	Vinh	CĐ - CN ÔTÔ K10A	7.6	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
208	Trương Thanh	Dũng	CĐ - CN ÔTÔ K10B	7.0	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
209	Ngô Thành	Nghĩa	CĐ - CN ÔTÔ K10B	7.0	0.6	Khá	Khá	SV Khá
210	Ngư Hào	Nhịn	CĐ - CN ÔTÔ K10B	7.2	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
211	Lê Minh	Trung	CĐ - CN ÔTÔ K10B	7.2	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
212	Phạm Thành	Sơn	CĐ - CN ÔTÔ K10B	7.5	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
213	Nguyễn Thái	Bình	CĐ - CN ÔTÔ K10C	7.1	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
214	Trần Thiện	Cường	CĐ - CN ÔTÔ K10C	7.1	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
215	Nguyễn Tiến	Đạt	CĐ - CN ÔTÔ K10C	7.3	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
216	Võ Anh	Phúc	CĐ - CN ÔTÔ K10C	7.1	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
217	Nguyễn Minh	Tân	CĐ - CN ÔTÔ K10C	7.5	0.8	Khá	Tốt	SV Khá

Stt	Họ và Tên		Lớp/ Khóa	ĐHT	ĐRL	XLHT	XLRL	Danh hiệu
218	Nguyễn Văn	Thi	CĐ - CN ÔTÔ K10C	7.3	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
219	Tu Ngọc	Thiện	CĐ - CN ÔTÔ K10C	7.3	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
220	Nguyễn Trọng	Tín	CĐ - CN ÔTÔ K10C	7.0	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
221	Trần Thanh	Tùng	CĐ - CN ÔTÔ K10C	7.4	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
222	Bùi Xuân	Chung	CĐ - CN ÔTÔ K10D	7.3	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
223	Nguyễn Quốc	Hung	CĐ - CN ÔTÔ K10D	7.3	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
224	Trần Minh	Lượng	CĐ - CN ÔTÔ K10D	7.7	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
225	Trần Ngọc	Phi	CĐ - CN ÔTÔ K10D	7.4	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
226	Phan Thanh	Quang	CĐ - CN ÔTÔ K10D	7.4	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
227	Trần Minh	Quyền	CĐ - CN ÔTÔ K10D	7.2	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
228	Chế Đăng	Cường	CĐ - CGKL K10	7.0	0.6	Khá	Khá	SV Khá
229	Hà Tấn	Hải	CĐ - CGKL K10	8.2	0.9	Giỏi	XS	SV Giỏi
230	Nguyễn Trí	Hậu	CĐ - CGKL K10	7.0	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
231	Phan Thành	Thái	CĐ - CGKL K10	7.3	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
232	Phạm Công	Vinh	CĐ - CGKL K10	7.0	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
233	Đoàn Đình	Danh	CĐ - KTXD K10	7.2	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
234	Nguyễn Thế Việt	Đức	CĐ - KTXD K10	7.3	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
235	Trần Nguyễn Gia	Hung	CĐ - KTXD K10	7.5	0.8	Khá	Tốt	SV Khá
236	Lương Tuấn	Phú	CĐ - KTXD K10	7.1	0.6	Khá	Khá	SV Khá
237	Phan Ngọc	Tài	CĐ - KTXD K10	7.0	0.5	Khá	Khá	SV Khá
238	Nguyễn Chí	Thiện	CĐ - KTXD K10	7.9	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
239	Lê Thành	Trí	CĐ - KTXD K10	7.6	0.7	Khá	Tốt	SV Khá
240	Nguyễn Châu Đại	Dương	TC - CN ÔTÔ K10/12	7.4	0.8	Khá	Tốt	HS Khá
KHOA CƠ BẢN								
241	Nguyễn Duy Hồng	Đức	10A1(ĐTCN K10/9)	7.9	8.0	Khá	Tốt	HS Khá
242	Lê Văn	Huy	10A2(CBTP K10/9)	7.3	7.0	Khá	Tốt	HS Khá
243	Đào Duy	Hòa	10A5(ĐDD K10/9)	7.8	7.5	Khá	Tốt	HS Khá
244	Ngô Thanh	Hiếu	10A5(ĐDD K10/9)	8.0	8.2	Giỏi	Tốt	HS Giỏi
245	Võ Minh	Thắng	10A5(ĐDD K10/9)	7.2	7.4	Khá	Tốt	HS Khá
246	Nguyễn Thành	Đạt	10A6(QTKS K10/9B)	7.7	8.4	Khá	XS	HS Khá
247	Lê Văn	Hải	10A6(QTKS K10/9A)	7.6	8.5	Khá	XS	HS Khá
248	Huỳnh Kỳ Hồng	Nhung	10A6(QTKS K10/9A)	7.1	7.5	Khá	Tốt	HS Khá
249	Trần Gia	Huy	11B1(ĐCN K9/9)	7.5	7.2	Khá	Tốt	HS Khá
250	Nguyễn Thị Minh	Như	11B1(MAY K9/9)	7.2	7.1	Khá	Tốt	HS Khá
251	Nguyễn Thị	Nở	11B1(MAY K9/9)	9.0	6.9	XS	XS	HS XS
252	Võ Thị Mỹ	Thảo	11B1(MAY K9/9)	8.6	7.3	Giỏi	Tốt	HS Giỏi
253	Hồ Lâm Thúy	Vy	11B1(MAY K9/9)	7.6	7.2	Khá	Tốt	HS Khá
254	Nguyễn Thị Thu	Hà	11B3(QTKS K9/9B)	7.5	7.4	Khá	XS	HS Khá
255	Nguyễn Thị Kim	Hạnh	11B3(CBTP K9/9)	8.9	8.6	Giỏi	XS	HS Giỏi
256	Nguyễn Quỳnh	Nhung	11B3(QTKS K9/9B)	7.5	7.1	Khá	Tốt	HS Khá
257	Văn Thúy	My	11B3(CBTP K9/9)	8.0	7.3	Giỏi	Tốt	HS Giỏi
258	Lê Thị Mỹ	Hà	11B7(QTKS K9/9A)	7.2	7.8	Khá	Tốt	HS Khá
259	Nguyễn Nhật	Hiếu	11B7(NVNH K9/9)	7.4	7.5	Khá	Tốt	HS Khá
260	Nguyễn Đình	Huy	11B7(NVNH K9/9)	7.2	7.1	Khá	Tốt	HS Khá
261	Ngô Thị Mỹ	Lệ	11B7(QTKS K9/9A)	8.0	7.7	Giỏi	Tốt	HS Giỏi
262	Phan Thị Ngọc	Sương	11B7(QTKS K9/9A)	8.3	8.3	Giỏi	Tốt	HS Giỏi
263	Trần Đặng Phương	Thi	11B7(QTKS K9/9A)	7.1	7.2	Khá	Tốt	HS Khá

Stt	Họ và Tên		Lớp/ Khóa	ĐHT	ĐRL	XLHT	XLRL	Danh hiệu
264	Trần Thị Phương	Trang	11B7(QTKS K9/9A)	7.8	7.1	Khá	Tốt	HS Khá
265	Vang Hoàng Minh	Trâm	11B7(QTKS K9/9A)	8.1	7.4	Giỏi	Tốt	HS Giỏi
266	Nguyễn Trung	Chiến	11B9(Ô TÔ K9/9)	7.8	7.1	Khá	Tốt	HS Khá
267	Lê Trần Phúc	Giang	11B9(HDDL K9/9)	7.3	7.2	Khá	Khá	HS Khá
268	Nguyễn Thế	Khôi	11B9(HDDL K9/9)	7.5	7.2	Khá	Khá	HS Khá
269	Nguyễn Thị Hồng	Kiều	11B9(NVNH K9/9)	7.6	7.3	Khá	Tốt	HS Khá
270	Ngô Thị Bích	Trâm	11B9(HDDL K9/9)	7.2	7.1	Khá	Khá	HS Khá
271	Nguyễn Vũ Thục	Vy	11B9(NVNH K9/9)	7.0	6.7	Khá	Tốt	HS Khá

Danh sách này gồm có 271 HSSV Trong đó:

XS: 01 HSSV
Giỏi: 34 HSSV
Khá: 236 HSSV

